

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 20/2022/DSST

Ngày: 20/4/2022.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 2 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Tân Thuận, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Ông Lê Văn N uỷ quyền cho ông Lê Văn T, sinh năm 1975 (có mặt) địa chỉ: ấp Tân Thuận, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang văn bản uỷ quyền ngày 12/01/2022.

Bị đơn: Bà Dương Thị D, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Tân Long, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1969 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Tân Long, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Vào ngày 04/8/2020 có gửi số tiền 60.000.000 đồng cho bị đơn là thủ quỹ nhóm tiết kiệm, hình thức đầu tư tiết kiệm lãi suất 2.5%/tháng. Khi gửi thì không có giấy tờ gì chỉ có cuốn sổ và chữ ký của thủ quỹ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vốn 60.000.000 đồng và trả lãi 19 tháng từ ngày 04/8/2020 đến 11/01/2022 là 28.500.000 đồng tương đương lãi 2.5%/tháng.

Bị đơn bà Dương Thị D trình bày: Bị đơn thừa nhận vào ngày 04/8/2020 có nhận của nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng, đây là số tiền bị đơn vay riêng của nguyên đơn, dùng danh nghĩa hội phụ nữ. Khi vay thỏa thuận lãi suất 2.5%/tháng. Từ lúc vay đến nay bị đơn không có trả lãi và vốn 60.000.000 đồng cho nguyên đơn. Bị đơn đồng ý trả vốn cho nguyên đơn 60.000.000 đồng, bị đơn xin không trả lãi cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị D trình bày: Bà Phạm Thị D là trưởng nhóm tiết kiệm Hội phụ nữ và bà Dương Thị D là phó nhóm, nhóm đang sinh hoạt bình thường. Việc nguyên đơn đưa tiền cho bị đơn bà Phạm Thị D không biết yêu cầu giải quyết cho bị đơn trả tiền cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc trả cho nguyên đơn số tiền nợ vốn 60.000.000 đồng và trả lãi từ ngày 04/8/2020 đến ngày 11/01/2022 mức lãi suất tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 8.582.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 60.000.000 đồng và lãi suất 2.5%/ tháng căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn có nơi cư trú tại ấp Tân Long, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự

2015 xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về hợp đồng vay tài sản và số tiền vay: Nguyên đơn và bị đơn khai thống nhất với nhau vào ngày 04/8/2020 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay là có thật. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay vốn 60.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận nợ vốn là 60.000.000 đồng và đồng ý trả số nợ này. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay vốn 60.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn khai khi cho vay là có thỏa thuận thuận lãi suất là 2.5%/tháng/60.000.000 đồng. Bị đơn cũng thừa nhận có thỏa thuận lãi suất là 2.5%/tháng/60.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 04/8/2020 đến ngày 11/01/2022 là 19 tháng, số tiền 28.500.000 đồng. Bị đơn xin không trả lãi vì không có khả năng. Xét mức thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là 2.5%/tháng, là cao so với quy định. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Như vậy Hội đồng xét xử điều chỉnh lại lãi suất cho phù hợp khi phát sinh tranh chấp là 10%/năm, tương đương 0.83%/tháng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 04/8/2020 đến ngày 11/01/2022 mà không yêu cầu xem xét đến khi xét xử, nên Hội đồng xét xử xem xét trong khoảng thời gian yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ ngày 04/08/2020 đến 11/1/2022 là 17 tháng 07 ngày trên số tiền vốn 60.000.000 đồng, được 8.582.000 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị đơn Dương Thị D phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Lê Văn N số tiền vay vốn 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Buộc bị đơn trả lãi cho nguyên đơn 8.582.000 đồng (tám triệu năm trăm tám mươi hai ngàn đồng). Tổng vốn và lãi 68.582.000 đồng (sáu mươi tám triệu năm trăm tám mươi hai ngàn đồng).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi số tiền 19.918.000 đồng (mười chín triệu chín trăm mười tám ngàn đồng).

2/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu 3.429.000 đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi chín ngàn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành – Hậu Giang. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 995.000 đồng (chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 2.212.000 đồng (hai triệu hai trăm mười hai ngàn đồng). Nguyên đơn được nhận lại 1.217.000 đồng (một triệu hai trăm mười bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010220 ngày 18/2/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành – Hậu Giang.

4/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

5/ Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân